

Số: /BC-UBND

Tháp Mười, ngày tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/8/2021
về Kế hoạch thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với
đào tạo nghề, giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc có thời hạn
ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Thường trực Huyện ủy

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về Kế hoạch thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đào tạo nghề, giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 99/KH-HĐND ngày 23/10/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về tổ chức kỳ họp thứ bảy Hội đồng nhân dân huyện khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Sau khi tiếp thu Nghị Quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/8/2021, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng kế hoạch triển khai đến các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn. Trên cơ sở bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của tỉnh và tình hình cụ thể của huyện để thực hiện. Đồng thời, hàng năm, huyện đều xây dựng Kế hoạch đưa đi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhằm kịp thời cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ tốt cho quá trình công tác (có Phụ lục 1 các văn bản triển khai kèm theo).

Nhìn chung, các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội huyện, các xã, thị trấn, các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện đều xác định được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển kinh tế - xã hội, nên đã quán triệt mục tiêu, quan điểm và các nhiệm vụ, giải pháp để quyết tâm thực hiện, góp phần chuyển biến nhận thức trong quần chúng Nhân dân đối với công tác giáo dục, đào tạo, dạy nghề và giải quyết việc làm.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả đạt được

Qua triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-HĐND, đến nay UBND huyện đã thực hiện đạt và vượt 30/37 chỉ tiêu, còn lại 07/37 chỉ tiêu đang tiếp tục thực hiện. Cụ thể như sau:

- Tỷ lệ học sinh huy động ra lớp theo độ tuổi:
 - + Ngành học mầm non: Huy động nhà trẻ đạt 30,11% (chỉ tiêu 28%), trẻ từ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo đạt 93,56% (chỉ tiêu trên 88%); trẻ 5 tuổi học mẫu giáo đạt 100% (chỉ tiêu trên 99,9%).
 - + Cấp tiểu học đạt 100% (chỉ tiêu 99,9%).
 - + Cấp trung học cơ sở đạt 99,89% (chỉ tiêu trên 99,5%).
 - + Cấp trung học phổ thông đạt 99,85% (chỉ tiêu trên 75%).
 - + Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS vào học nghề, học giáo dục thường xuyên cấp THPT đạt 21,3% (chỉ tiêu 10%);
 - + Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng/tuổi) giảm còn 11,46% (chỉ tiêu 11%); tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (chiều cao/tuổi) giảm còn 16,49% (chỉ tiêu 17%).
- Trường đạt chuẩn quốc gia: Ngành học mầm non mức độ 1 đạt 70,59% (chỉ tiêu 55%), mức độ 2 đạt 35,29% (chỉ tiêu 17%); cấp tiểu học mức độ 1 đạt 65,22% (chỉ tiêu 50%), mức độ 2 đạt 4,35% (chỉ tiêu 7%); cấp trung học cơ sở mức độ 1 đạt 73,33% (chỉ tiêu 65%), mức độ 2 là 0,0% (chỉ tiêu 6%); cấp trung học phổ thông mức độ 1 đạt 60% (chỉ tiêu 100%), mức độ 2 đạt 20% (chỉ tiêu 20%).
- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Đến nay, có 1.914/19.793 lao động nông thôn được đào tạo nghề nông nghiệp (chỉ tiêu 1.600 người).
 - Hằng năm, huyện kịp thời triển khai các văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp về công tác đào tạo, bồi dưỡng đến các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện. Qua đó, các ban, ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã tiến hành rà soát, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ, công chức, viên chức. Trong năm 2022, có 316 cán bộ, công chức, viên chức được đưa đi đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và lý luận chính trị (chỉ tiêu là 100).
 - Tư vấn, vận động giới thiệu việc làm trong và ngoài tỉnh, giải quyết việc làm cho 5.825/5.500 lao động (có 167/150 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng đạt 111,33% chỉ tiêu đề ra). Tỷ lệ lao động qua đào tạo 69,08%, trong đó qua đào tạo nghề là 56,07% (chỉ tiêu phấn đấu đến cuối năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 75%, trong đó đào tạo nghề đạt 60%).
 - Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT trúng tuyển vào Cao đẳng, Đại học đạt 60,23% (chỉ tiêu trên 56%), duy trì số sinh viên Cao đẳng, Đại học/vạn dân trên

200 sinh viên. Từ năm 2021 đến năm 2022, đã tạo điều kiện hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo sau đại học cho 17 người (chỉ tiêu 15 người) và nghiên cứu sinh 01 người (chỉ tiêu 01 người), nâng tổng số người có trình độ sau đại học là 170 người (chỉ tiêu trên 100 người).

- Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Luật Giáo dục: Cán bộ quản lý đạt chuẩn 100% (chỉ tiêu 100%), giáo viên mầm non đạt 99,76% (chỉ tiêu 100%), giáo viên tiểu học đạt 99,85% (chỉ tiêu 90%), giáo viên trung học cơ sở đạt 99,78% (chỉ tiêu 90%), giáo viên trung học phổ thông đạt 100% (chỉ tiêu 100%) và nhân viên đạt 100% (chỉ tiêu 100%).

- Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt trình độ trên chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định: Cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đạt 99,79% (chỉ tiêu 75%), cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học đạt 2,94% (chỉ tiêu 1,5%), cán bộ quản lý và giáo viên trung học cơ sở đạt 2,86% (chỉ tiêu 4%), cán bộ quản lý và giáo viên trung học phổ thông đạt 26,8% (chỉ tiêu 22%); 100% nhân viên đạt và trên chuẩn trình độ.

- 100% cán bộ, công chức ngành huyện và cán bộ, công chức cấp xã đạt tiêu chuẩn ngạch cán bộ, công chức đang đảm nhiệm (đạt chỉ tiêu đề ra).

- 100% các xã, thị trấn duy trì chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, duy trì chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, duy trì chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

(Có phụ lục 2 kèm theo).

2. Hạn chế, nguyên nhân

2.1. Hạn chế

- Chất lượng giáo dục còn chênh lệch giữa các điểm trường ở trên địa bàn huyện; chất lượng dạy và học ngoại ngữ mặc dù có chuyển biến nhưng vẫn chưa đáp ứng được so với yêu cầu; việc xã hội hoá đầu tư lĩnh vực giáo dục còn ít.

- Công tác tuyển sinh các lớp trung cấp nghề còn gặp khó khăn, chưa thu hút được nhiều học sinh tham gia; còn nhiều lao động chỉ qua đào tạo ngắn hạn, trình độ trung cấp nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp còn ít; việc khai thác sử dụng lao động làm việc ở nước ngoài về nước theo nhóm, ngành nghề chưa hiệu quả; vẫn còn tình trạng sinh viên, học viên một số ngành học sau tốt nghiệp chưa có việc làm.

- Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa chủ động tự học, cập nhật, bồi dưỡng kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Nguyên nhân

- Nguồn kinh phí ngân sách còn hạn hẹp, nguồn xã hội hoá đầu tư cho giáo dục chưa nhiều nên chưa đáp ứng cho việc duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất, cải

thiện cảnh quan môi trường, mua sắm trang thiết bị dạy học,... để phục vụ cho các hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục ở một số điểm trường; đội ngũ giáo viên còn dàn trải, thừa, thiếu cục bộ ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Công tác điều tra, khảo sát đối tượng có nhu cầu học nghề chưa sát với nguồn lực hiện có, đến khi mở lớp ngành nghề không phù hợp, thiếu người học; người dân vẫn còn tâm lý cho con em học đại học, cao đẳng; việc tập hợp, phát huy năng lực các lao động làm việc ở nước ngoài, sau khi về nước còn hạn chế do chưa có cơ chế, chính sách để thu hút lực lượng này tham gia ngay vào các hoạt động sản xuất của các công ty, doanh nghiệp ở địa phương.

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa thấy lợi ích của việc tự học, cập nhật, bồi dưỡng kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chưa chủ động cập nhật đầy đủ, nghiên cứu kịp thời các văn bản của Trung ương và của tỉnh, huyện, vận dụng tốt trong quá trình công tác.

III. PHƯƠNG HƯỚNG

1. Dự báo tình hình thực hiện Nghị quyết đến cuối năm 2025

- Một số chỉ tiêu hiện tại còn thấp, nhưng ước thực hiện đến năm 2025, các chỉ tiêu này sẽ đạt theo kế hoạch đề ra.

- Một số chỉ tiêu chưa đạt so với kế hoạch đề ra:

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng/tuổi) giảm còn 11,46% (chỉ tiêu 11%); trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 cấp tiểu học đạt 4,35% (chỉ tiêu 7%), cấp trung học cơ sở là 0,0% (chỉ tiêu 6%), cấp trung học phổ thông mức độ 1 đạt 60% (chỉ tiêu 100%).

+ Giáo viên đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Luật Giáo dục: Giáo viên mầm non đạt 99,76% (chỉ tiêu 100%); tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên trung học cơ sở đạt trình độ trên chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ 2,86% (chỉ tiêu 4%).

- Nguyên nhân chỉ tiêu chưa đạt:

+ Đối với tỷ lệ giáo viên trung học cơ sở đạt trình độ trên chuẩn còn thấp, do Luật Giáo dục 2019 quy định trình độ chuẩn là Đại học (trước đây là Cao đẳng), nhưng hiện nay nhu cầu giáo viên tham gia học tập nâng cao trình độ đào tạo sau đại học không nhiều.

- Kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở một số cấp học chưa đạt là do tiêu chuẩn về cơ sở vật chất chưa đảm bảo theo tiêu chí được quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm đạt các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra đến cuối năm 2025

Ngoài các giải pháp đã được nêu trong Nghị quyết, trong thời gian tới tiếp tục triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 về Kế hoạch thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đào tạo nghề, giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025.

- Tăng cường đầu tư xây dựng, sửa chữa các trường theo lộ trình nhằm đảm bảo cơ sở vật chất đạt chuẩn theo quy định và tạo điều kiện để các trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đạt hiệu quả và đảm bảo đạt tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch đề ra.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ kế hoạch tuyển dụng, đưa đi đào tạo, nhất là trình độ thạc sĩ, tiến sĩ nhằm góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ theo đúng quyền hạn đã được phân cấp; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn huyện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch trong các khâu tuyển dụng, bố trí, đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ quản lý.

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quan tâm sâu sát đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình mới.

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, chú trọng đến dạy và học trực tuyến, qua Internet, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; phát triển kỹ năng số, thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo và dạy nghề; đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

- Tăng cường quy hoạch, đưa đi đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phù hợp với vị trí việc làm và nhu cầu của ngành, địa phương; lựa chọn những người có năng lực và triển vọng đưa đi đào tạo để có thể trở thành những cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi. Đẩy mạnh việc đưa đi đào tạo kỹ năng chuyển đổi số, công nghệ số cho lực lượng lao động, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; từng bước đưa nội dung giáo dục kiến thức và kỹ năng về chuyển đổi số vào các cơ sở giáo dục phổ thông.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong phát triển nguồn nhân lực, chuyển dần nhận thức của xã hội từ việc học để nhận bằng cấp sang học để làm việc theo nghề nghiệp; tăng cường liên kết đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực,

nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; khai thác, sử dụng có hiệu quả lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài trở về theo nhóm, ngành nghề; tiếp tục nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và lao động qua đào tạo nghề.

- Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, tạo việc làm, dạy nghề; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm, liên kết cung ứng lao động tại các doanh nghiệp trong và ngoài huyện.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 về Kế hoạch thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đào tạo nghề, giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025./.

Nơi nhận:

- TT HU, TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Phòng LĐ-TB&XH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC (Ch).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Thanh Bình

Phụ lục 1
CÁC VĂN BẢN BAN HÀNH

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2023
 của Uỷ ban nhân dân huyện)*

1. Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 07/02/2020 của UBND huyện về thực hiện Đề án Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non trên địa bàn huyện Tháp Mười giai đoạn 2020 - 2025.

2. Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 15/01/2021 của UBND huyện về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021.

3. Kế hoạch số 8437/KH-UBND ngày 31/7/2021 của UBND huyện về đào tạo nghề nghiệp huyện Tháp Mười năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025.

4. Kế hoạch số 9360/KH-UBND ngày 09/9/2021 của UBND huyện về thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đào tạo nghề, giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025.

5. Kế hoạch số 11842/KH-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về phối hợp hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, vay vốn tự tạo việc làm cho người dân sinh sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt thuỷ sản bằng xung điện trên địa bàn huyện.

6. Kế hoạch số 288/KH-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022.

7. Công văn số 4081/UBND-NV ngày 08/7/2022 của UBND huyện về việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

8. Kế hoạch số 1669/KH-UBND ngày 04/4/2022 của UBND huyện về thực hiện công tác giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2022.

9. Kế hoạch số 2197/KH-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về triển khai thực hiện “Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn huyện.

10. Kế hoạch số 2200/KH-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, giai đoạn 2021 - 2025.

11. Kế hoạch số 5419/KH-UBND ngày 14/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về phát triển giáo dục huyện Tháp Mười đến năm 2025.

12. Kế hoạch số 8743/KH-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đào tạo nghề, giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2023.

13. Kế hoạch số 600/KH-UBND ngày 27/01/2023 của UBND huyện về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.

14. Công văn số 6612/UBND-VX ngày 21/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

Phụ lục 2
THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT 48/NQ-HĐND
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2023
của Uỷ ban nhân dân huyện)*

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện đến 11/2023	Kết quả	Ghi chú
1	Huy động học sinh				
1.1	Ngành học Mầm non				
	Nhà trẻ	28%	30,11%	Vượt	
	Trẻ từ 3 đến 5 tuổi	88%	93,56%	Vượt	
	Trẻ 5 tuổi	> 99,9%	100%	Vượt	
1.2	Cấp Tiểu học	99,9%	100%	Vượt	
1.3	Cấp Trung học cơ sở	> 99,5%	99,89%	Vượt	
1.4	Cấp THPT	> 75%	99,85%	Vượt	
2	Tỷ lệ HS sau TN THCS vào học nghề, học GDTX cấp THPT	10%	21,3%	Vượt	
3	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng				
	Trẻ nhẹ cân	giảm còn 11%	11,46%	Chưa đạt	
	Trẻ thấp còi	giảm còn 17%	16,49%	Vượt	
4	Trường đạt chuẩn quốc gia				
4.1	Ngành học mầm non mức độ 1	55%	70,59%	Vượt	
	Ngành học mầm non mức độ 2	17%	35,29%	Vượt	
4.2	Cấp Tiểu học mức độ 1	50%	65,22%	Vượt	
	Cấp Tiểu học mức độ 2	7%	4,35%	Chưa đạt	
4.3	Cấp THCS mức độ 1	65%	73,33%	Vượt	
	Cấp THCS mức độ 2	6%	0%	Chưa đạt	
4.4	Cấp THPT mức độ 1	100%	60%	Chưa đạt	
	Cấp THPT mức độ 2	20%	20%	Đạt	
5	Hằng năm đưa cán bộ, công chức, viên chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thị trấn đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị.	100	316	Vượt	
6	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	1.600 người	1.914 người	Vượt	
7	Tư vấn, vận động giới thiệu việc làm trong và ngoài tỉnh	5.500 người	5.825 người	Vượt	
8	Phản ánh đến cuối năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 75%, trong đó đào tạo nghề đạt 60%	75%; 60%	69,08%; 56,07%	Chưa Đạt	

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện đến 11/2023	Kết quả	Ghi chú
9	Tỷ lệ HS TN THPT trúng tuyển vào Cao đẳng, Đại học	56%	60,23%	Vượt	
10	Phán đấu tạo điều kiện hỗ trợ CB, CC, VC tham gia đào tạo sau đại học	15 người	17 người	Vượt	
	Có 01 người nghiên cứu sinh	1 người	1 người	Đạt	
11	Trình độ sau đại học	100	170	Vượt	
12	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Luật Giáo dục				
	Cán bộ quản lý	100%	100%	Đạt	
	Giáo viên mầm non	100%	99,76%	Chưa đạt	
	Giáo viên tiểu học	90%	99,85%	Vượt	
	Giáo viên THCS	90%	99,78%	Vượt	
	Giáo viên THPT	100%	100%	Đạt	
	Nhân viên	100%	100%	Đạt	
13	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên trên chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Luật Giáo dục				
	Cán bộ quản lý và giáo viên mầm non	75%	99,79%	Vượt	
	Cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học	1,5%	2,94%	Vượt	
	Cán bộ quản lý và giáo viên THCS	4%	2,86%	Chưa đạt	
	Cán bộ quản lý và giáo viên THPT	22%	26,80%	Vượt	
14	Cán bộ, công chức ngành huyện và cán bộ, công chức cấp xã đạt tiêu chuẩn ngạch cán bộ, công chức đang đảm nhiệm	100%	100%	Đạt	
15	Hàng năm duy trì kết quả đạt chuẩn xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt	